

Mẫu số .....

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				<b>0</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>106,152,898,227</b>	<b>100,837,090,318</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12,272,238,346</b>	<b>4,230,534,930</b>
1. Tiền	111		12,272,238,346	4,230,534,930
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32,957,233,593</b>	<b>66,020,041,630</b>
1. Phải thu khách hàng	131		28,803,078,700	18,121,209,109
2. Trả trước cho người bán	132		4,091,474,360	46,985,597,514
5. Các khoản phải thu khác	135		62,680,533	913,235,007
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>51,263,030,940</b>	<b>29,971,318,025</b>
1. Hàng tồn kho	141		51,263,030,940	29,971,318,025
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9,660,395,348</b>	<b>615,195,733</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,820,266,406	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,835,128,942	615,195,733
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,005,000,000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>110,553,309,201</b>	<b>63,948,539,981</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>105,837,266,037</b>	<b>60,727,240,606</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>104,836,214,866</b>	<b>60,727,240,606</b>
- Nguyên giá	222		114,297,252,185	65,568,806,940
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9,461,037,319)	4,841,566,334
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>234,821,250</b>	-
- Nguyên giá	228		239,540,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,718,750)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		766,229,921	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,716,043,164</b>	<b>3,221,299,375</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,875,890,546	3,221,299,375
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		840,152,618	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>216,706,207,428</b>	<b>164,785,630,299</b>

Các thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>144,783,392,794</b>	<b>103,805,939,553</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>79,971,280,569</b>	<b>100,846,827,328</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		50,665,738,217	42,336,211,889
2. Phải trả người bán	312		16,391,873,854	56,016,272,819
3. Người mua trả tiền trước	313		165,977,241	564,287,696
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		9,276,058,190	1,289,734,365
5. Phải trả người lao động	315		1,700,492,095	510,420,559
6. Chi phí phải trả	316		631,052,570	129,900,000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1,140,088,402	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>64,812,112,225</b>	<b>2,959,112,225</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334		64,799,112,225	2,959,112,225
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		13,000,000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71,705,893,477</b>	<b>60,979,690,746</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>71,705,893,477</b>	<b>60,979,690,746</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56,880,000,000	56,880,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14,825,893,477	4,099,690,746
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>216,921,157</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>216,706,207,428</b>	<b>164,785,630,299</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-

Hà nam, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Đàm Thị Ái Len

Hoàng Quốc Tùng

Mẫu số .....

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	61,932,877,273	34,557,551,724	157,027,451,888	34,557,551,724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		107,499,012	156,100,000	107,499,012
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>61,932,877,273</b>	<b>34,450,052,712</b>	<b>156,871,351,888</b>	<b>34,450,052,712</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	54,042,679,058	30,014,926,575	133,554,027,799	30,014,926,575
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>7,890,198,215</b>	<b>4,435,126,137</b>	<b>23,317,324,089</b>	<b>4,435,126,137</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	299,244,866	197,516,505	4,387,138,355	197,516,505
7. Chi phí tài chính	22	2,320,886,984	1,314,439,330	8,540,759,320	1,314,439,330
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2,241,010,083	662,607,119	4,389,868,927	662,607,119
8. Chi phí bán hàng	24	2,609,420,335	4,587,196,762	4,587,196,762	588,323,417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,195,753,264	473,925,332	3,320,919,625	473,925,331
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>	<b>2,063,382,498</b>	<b>(1,742,918,782)</b>	<b>11,255,586,737</b>	<b>2,255,954,564</b>
11. Thu nhập khác	31	571,262,215	2,389,636,363	992,915,899	2,398,636,363
12. Chi phí khác	32	470,160,695	554,972,346	460,078,025	554,972,346
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>101,101,520</b>	<b>1,834,664,017</b>	<b>532,837,874</b>	<b>1,843,664,017</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>2,164,484,018</b>	<b>91,745,235</b>	<b>11,788,424,611</b>	<b>4,099,618,581</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	414,354,946		1,925,453,340	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	(840,152,618)	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>1,750,129,072</b>	<b>91,745,235</b>	<b>10,703,123,889</b>	<b>4,099,618,581</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	-	-	(23,078,842)	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	-	-	10,726,202,732	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	-	-	1,885.76	-

Hà nam, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Đàm Thị Ái Len

Hoàng Quốc Tùng

Các thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

Mẫu số .....

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		202,115,286,226	26,214,274,682
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(209,209,095,308)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8,726,272,146)	(42,750,451,907)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4,190,462,376)	(753,538,229)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(652,633,103)	1,216,989,429
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5,698,571,992	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11,244,845,584)	(1,171,361,041)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(26,209,450,299)</b>	<b>(17,244,087,066)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31,717,065,176)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	35,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42,771,287	164,560,410
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(31,674,293,889)</b>	<b>199,560,410</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		64,880,000,000	29,356,687,008
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		150,849,803,582	43,169,992,637
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(148,969,068,205)	(55,636,355,003)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>66,760,735,377</b>	<b>16,890,324,642</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8,876,991,189</b>	<b>(154,202,014)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,230,534,930	4,257,119,781
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(835,287,773)	127,617,163
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>12,272,238,346</b>	<b>4,230,534,930</b>

Hà nam, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Đàm Thị Ái Len

Hoàng Quốc Tùng

Các thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700.212.810 ngày 29/9/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, Tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2010 là: **56.880.000.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng).

**Cơ cấu vốn điều lệ:**

Các cổ đông khác	61,44%
Ông Nguyễn Hữu Biền	20,11%
Ông Hoàng Quốc Tùng	8,79%
Ông Đoàn Minh Dũng	4,39%
Ông Lê Trung Kiên	5,27%
<b>Tổng</b>	<b>100,00%</b>

Vốn thực góp tính đến thời điểm 31/12/2010 là: **56.880.000.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

**2. Những hoạt động kinh doanh chính**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010 là sản xuất lắp ráp điều hòa và sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu, sản xuất túi nilon.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thiết bị gia đình: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt; sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Mua bán và đại lý hàng hóa: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Sản xuất các mặt hàng: cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; kinh doanh du lịch sinh thái; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì; sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu: dệt may và may mặc, nguyên liệu máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;
- Khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại "METAL HANGERS": vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại
- Xử lý chất thải công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường sắt, vật tư, đồ dùng cho gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất của Tổng Công ty;
- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất; cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp; mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo; mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu;
- Mua bán vật liệu xây dựng; gạch ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép.
- Sản xuất, gia công túi nylon và bao bì xuất khẩu.
- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại.

**II- KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán thực hiện quyết toán tại Báo cáo tài chính này là bắt đầu từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010. .

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, đối chiếu đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền theo tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

**2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc (nguyên giá).

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí đổ đất, san nền, đầm ép không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình, được phân bổ dần vào các đối tượng chi phí trong kỳ kế toán với thời gian phân bổ là 50 năm.

Phương pháp phân bổ: phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc tăng giảm vốn điều lệ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và giá vốn**

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Giá vốn được hạch toán theo thực tế phát sinh theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu đã ghi nhận.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ, các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy ưu đãi đầu tư số 1107/GCNUĐ ngày 23 tháng 9 năm 2003 của UBND tỉnh Hà Nam cấp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Tổng Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, KCN Châu Sơn, Tp.Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Cho năm tài chính

Tel: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

kết thúc ngày 31/12/2010

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Thuế giá trị gia tăng: Tổng Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng đối với các mặt hàng điều hòa của Tổng Công ty lắp ráp:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%
- Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 10%

**V - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01 - Tiền**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Tiền mặt	6,961,604,543	2,172,360,345
Tiền gửi ngân hàng	5,310,633,803	2,058,174,585
<b>Cộng</b>	<b>12,272,238,346</b>	<b>4,230,534,930</b>

**03 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	0	6,731,007
Phải thu khác	62,680,533	0
<b>Cộng</b>	<b>62,680,533</b>	<b>6,731,007</b>

**04 - Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Hàng mua đang đi đường	0	0
Nguyên liệu, vật liệu	46,332,146,129	20,879,740,112
Công cụ, dụng cụ	65,258,265	167,643,755
Thành phẩm	4,650,061,649	7,754,374,920
Hàng hoá	215,564,897	1,169,559,238
<b>Cộng</b>	<b>51,263,030,940</b>	<b>29,971,318,025</b>

**08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

ĐVT: đồng

	<b>Nhà cửa, Vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>PTVT, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>36,189,164,676</b>	<b>9,533,742,301</b>	<b>19,745,374,185</b>	<b>100,525,778</b>	<b>65,568,806,940</b>
Mua trong năm	9,985,937,271	13,028,716,668	585,950,000	68,909,092	23,669,513,031
XDCB hoàn thành	15,405,779,969	0	0	0	15,405,779,969
Tăng khác	9,990,000,000	0	0	1,803,243	9,991,803,243
Thanh lý nhượng bán	0	(322,645,427)	0	0	(322,645,427)
Giảm khác	(16,005,571)	0	0	0	(16,005,571)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>71,554,876,345</b>	<b>22,239,813,542</b>	<b>20,331,324,185</b>	<b>171,238,113</b>	<b>114,297,252,185</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>3,070,185,552</b>	<b>976,794,747</b>	<b>783,356,079</b>	<b>11,229,956</b>	<b>4,841,566,334</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, KCN Châu Sơn, Tp.Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Cho năm tài chính

Tel: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

kết thúc ngày 31/12/2010

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Khấu hao trong năm	1,289,898,910	2,283,327,158	1,072,398,876	17,589,923	4,663,214,867
Thanh lý nhượng bán	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	(43,743,882)	0	0	(43,743,882)
Giảm khác	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4,360,084,462</b>	<b>3,216,378,023</b>	<b>1,855,754,955</b>	<b>28,819,879</b>	<b>9,461,037,319</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Ngày đầu kỳ</b>	<b>33,118,979,124</b>	<b>8,556,947,554</b>	<b>18,962,018,106</b>	<b>89,295,822</b>	<b>60,727,240,606</b>
<b>Ngày cuối kỳ</b>	<b>67,194,791,883</b>	<b>19,023,435,519</b>	<b>18,475,569,230</b>	<b>142,418,234</b>	<b>104,836,214,866</b>

\* Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để cầm cố thế chấp: 38,064,710,732 đồng

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22,890,000 đồng

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 0 đồng

**10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

ĐVT: đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Mua trong năm	224,440,000	15,100,000	0	0	239,540,000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>224,440,000</b>	<b>15,100,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>239,540,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Khấu hao trong năm	0	4,718,750	0	0	4,718,750
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>4,718,750</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4,718,750</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Ngày đầu kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Ngày cuối kỳ</b>	<b>224,440,000</b>	<b>10,381,250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>234,821,250</b>

**11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Tổng số chi phí XD CB dở dang	766,229,921	0
Trong đó những công trình lớn:		
Xây dựng xí nghiệp tại Nam Định	766,229,921	0
<b>Cộng</b>	<b>766,229,921</b>	<b>0</b>

**14 - Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Chi phí san nền chuẩn bị mặt bằng xây dựng	3,151,336,047	3,221,299,375
Chi phí công cụ chờ phân bổ	527,608,267	0
Chi phí tư vấn niêm yết	50,000,000	0
Chi phí tiền lương của công nhân học việc	146,946,232	0
<b>Cộng</b>	<b>3,875,890,546</b>	<b>3,221,299,375</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, KCN Châu Sơn, Tp.Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15 - Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Vay ngắn hạn (*)	50,665,738,217	42,336,211,889
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
<b>Cộng</b>	<b>50,665,738,217</b>	<b>42,336,211,889</b>

**16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Thuế giá trị gia tăng	969,452,515	9,419,345
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2,803,640,481	56,325,099
Thuế xuất, nhập khẩu	4,230,144,957	1,223,989,921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,272,820,237	0
<b>Cộng</b>	<b>9,276,058,190</b>	<b>1,289,734,365</b>

**17 - Chi phí phải trả**

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Phí hạ tầng phải trả Ban quản lý KCN Châu Sơn - Hà Nam	36,520,000	129,900,000
Chi phí lãi vay phải trả	594,532,570	0
<b>Cộng</b>	<b>631,052,570</b>	<b>129,900,000</b>

**18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Bảo hiểm xã hội	161,327,869	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác	978,760,533	0
<b>Cộng</b>	<b>1,140,088,402</b>	<b>0</b>

**20 - Vay và nợ dài hạn**

	12/31/2010		1/1/2010	
	Nguyên tệ	đồng	Nguyên tệ	đồng
<b>a - Vay dài hạn</b>		<b>64,799,112,225</b>		<b>2,959,112,225</b>
Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thái		1,679,112,225		2,959,112,225
Trái phiếu phát hành		63,120,000,000		0
<b>Cộng</b>		<b>64,799,112,225</b>		<b>2,959,112,225</b>

**22 - Vốn chủ sở hữu****a - Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

ĐVT: đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>56,880,000,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4,099,690,745</b>	<b>60,979,690,745</b>
Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0
Lãi trong kỳ	0	0	0	10,726,202,732	10,726,202,732
Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56,880,000,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>14,825,893,477</b>	<b>71,705,893,477</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, KCN Châu Sơn, Tp.Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Vốn góp của Nhà nước	0	0
Vốn góp của các đối tượng khác	56,880,000,000	56,880,000,000
<b>Cộng</b>	<b>56,880,000,000</b>	<b>56,880,000,000</b>

**c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>đồng</b>	<b>đồng</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	56,880,000,000	56,880,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	56,880,000,000	56,880,000,000

**d - Cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,688,000	5,688,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,688,000	5,688,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,688,000</i>	<i>5,688,000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,688,000	5,688,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,688,000</i>	<i>5,688,000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	<i>10.000 đồng</i>	

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>Năm 2010</b>
	<b>đồng</b>
<b>25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>157,027,451,888</b>
- Doanh thu bán hàng	156,694,235,384
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	333,216,504
<b>26 - Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>156,100,000</b>
Trong đó:	
Thuế tiêu thu đặc biệt	156,100,000
<b>27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>156,871,351,888</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	156,538,135,384
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	333,216,504

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Địa chỉ: Đường Lê Chân, KCN Châu Sơn, Tp.Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.3848888

Fax: 0351.3850869

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***28 - Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2010</b>
	<b>đồng</b>
Giá vốn của hàng hoá đã bán	133,329,310,589
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	224,717,210
<b>Cộng</b>	<b><u>133,554,027,799</u></b>

**29 - Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2010</b>
	<b>đồng</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42,771,098
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,963,362,112
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	381,005,145
<b>Cộng</b>	<b><u>4,387,138,355</u></b>

**30 - Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2010</b>
	<b>đồng</b>
Lãi tiền vay	4,389,868,927
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,202,212,154
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	453,552,220
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi	100,000,000
Lãi trái phiếu phát hành phải trả	395,126,019
<b>Cộng</b>	<b><u>8,540,759,320</u></b>

**32 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Năm 2010</b>
	<b>đồng</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(23,078,842)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(23,078,842)

**\* - Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>
	<b>đồng</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,726,202,732
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10,726,202,732
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5,688,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1,885.76</b>

**VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính**

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico Số 02/2011/KSD/NQ-HĐQT ngày 11/01/2011 về việc thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu KSD\_CB2010 năm 2011 thì ngày 10/02/2011 là thời hạn chuyển đổi của 80% lượng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành (tương đương với 504.960 trái phiếu). Trái phiếu được chuyển đổi theo tỷ lệ 1:10 (mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng). Tổng số cổ phần sau khi chuyển đổi từ trái phiếu là 5.049.600 đồng.

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính mà chưa được thuyết minh.

**5 - Số liệu đầu kỳ**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2010 trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu chuyển tiếp từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên (từ ngày 29/9/2009 đến ngày 31/12/2009) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) và có phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**6 - Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Đàm Ái Len

Hoàng Quốc Tùng